

Số: 2693/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 28 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định đánh giá kết quả lãnh đạo giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về phân công lãnh đạo các cơ quan, đơn vị giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021- 2025;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 17/TTr-VPĐP ngày 12/7/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này quy định đánh giá kết quả lãnh đạo giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững hàng năm, tỉnh Lào Cai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Lào Cai.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có lãnh đạo được phân công giúp đỡ xã; Lãnh đạo các sở, ban, ngành, các ngân hàng, công ty, doanh nghiệp được phân công giúp đỡ xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- TT, TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ tỉnh;
- VPĐP nông thôn mới tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- CVP, PCVP3;
- BBT Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH3, NLN1,2,3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trịnh Xuân Trường**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về đánh giá kết quả lãnh đạo giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới  
và giảm nghèo bền vững hàng năm, tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025**  
(Kèm theo Quyết định số: **2693** /QĐ-UBND ngày **28/7** /2024 của UBND tỉnh Lào Cai)

### **Chương I** **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

Quy định nội dung, tiêu chí, quy trình và thẩm quyền đánh giá kết quả lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được phân công giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững hàng năm trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 2. Mục tiêu đánh giá**

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn được UBND tỉnh phân công, nhằm thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm để lãnh đạo các cơ quan, đơn vị được phân công giúp xã chủ động xây dựng kế hoạch công tác, bố trí thời gian, nguồn lực,... giúp xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững hiệu quả hơn.

- Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị là một trong những yếu tố để xem xét đánh giá, phân loại, khen thưởng cán bộ lãnh đạo hằng năm.

#### **Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, phân loại**

1. Việc đánh giá phải căn cứ chức trách, nhiệm vụ, thời gian và kết quả, hiệu quả việc thực hiện giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững của cá nhân được UBND tỉnh giao.

2. Đảm bảo khách quan, công bằng, chính xác và đúng quy định.

3. Trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ do yếu tố khách quan, bất khả kháng thì được xem xét trong quá trình đánh giá, phân loại.

## Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

**Điều 4.** Nội dung tiêu chí, tính điểm đánh giá đối với lãnh đạo các cơ quan, đơn vị được phân công giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững (thang điểm **100**)

1. Thực hiện kế hoạch giúp đỡ xã hàng năm theo sự phân công của tỉnh (tối đa **50 điểm**):

1.1. Có ban hành kế hoạch đảm bảo đầy đủ nội dung giúp đỡ xã thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững theo phân công của UBND tỉnh, gửi Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện, xã (nơi được phân công) trước ngày 10/02 của năm kế hoạch được tính **10 điểm**; Có kế hoạch nhưng ban hành chậm thời gian quy định (dưới 15 ngày) tính 05 điểm; nếu chậm thời gian quy định ban hành kế hoạch (từ 15 ngày trở lên) hoặc không ban hành kế hoạch không tính điểm (trường hợp lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có điều chỉnh phân công giúp đỡ, thì thời gian ban hành kế hoạch giúp đỡ xã sau 20 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực).

1.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ giúp đỡ xã theo chỉ tiêu, kế hoạch xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững hàng năm (tối đa **30 điểm**):

- Đối với xã đã được công nhận hoàn thành “Xã đạt chuẩn nông thôn mới”:

+ Xã duy trì đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo tính 30 điểm;

+ Không duy trì đạt chuẩn nông thôn mới: không duy trì hoàn thành tiêu chí, trừ 05 điểm/01 tiêu chí giảm; không hoàn thành chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo theo kế hoạch, trừ 05 điểm (trừ tối đa không quá 30 điểm);

- Đối với xã đã được công nhận hoàn thành “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” phấn đấu hoàn thành xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu (*có kế hoạch của tỉnh*): Hoàn thành kế hoạch tính 30 điểm; không hoàn thành kế hoạch, trừ 05 điểm/01 tiêu chí không hoàn thành (trừ tối đa không quá 30 điểm).

- Đối với xã phấn đấu hoàn thành “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” (*có kế hoạch của tỉnh*):

+ Hoàn thành kế hoạch tính 30 điểm;

+ Không hoàn thành kế hoạch về xây dựng nông thôn mới và không hoàn thành chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo, trừ 05 điểm/01 tiêu chí không hoàn thành (trừ tối đa không quá 30 điểm).

- Đối với các xã còn lại:

+ Giúp đỡ xã hoàn thành tiêu chí nông thôn mới và hoàn thành chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo theo đúng kế hoạch đăng ký từ đầu năm (hoặc có kế hoạch điều chỉnh chỉ tiêu trong năm) tính 30 điểm;

+ Không hoàn thành tiêu chí nông thôn mới và không hoàn thành chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo so với kế hoạch đăng ký trừ 05 điểm/01 tiêu chí; giảm tiêu chí hoàn thành so với năm trước liền kề năm kế hoạch trừ 05 điểm/01 tiêu chí (trừ tối đa không quá 30 điểm).

1.3. Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị hoặc Tổ giúp việc trực tiếp về xã làm việc với nội dung giúp xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững tính tối đa **10 điểm**:

- Đảm bảo đủ từ 02 lần/Quý (08 lần/năm) trở lên tính 10 điểm;
- Thiếu 01 lần trừ 2 điểm (nội dung này trừ tối đa 10 điểm).

2. Tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc các xã trong việc tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững (tối đa **10 điểm**):

Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, tổ chức phát động các hoạt động phong trào đẩy mạnh việc thực hiện xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn (hoặc biên bản làm việc với xã có nội dung này) đảm bảo đầy đủ nội dung tính 10 điểm; Có văn bản nhưng còn sơ sài, chưa đầy đủ nội dung tính 05 điểm; không có văn bản không tính điểm.

3. Việc chấp hành thực hiện báo cáo kết quả tổ chức thực hiện giúp xã (tối đa **20 điểm**):

Có đầy đủ 04 loại báo cáo định kỳ (Quý I, 06 tháng, 09 tháng, báo cáo năm) và báo cáo đột xuất (khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu), đảm bảo nội dung và thời gian quy định gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện (nơi được phân công giúp đỡ) tính 20 điểm; nếu báo cáo chậm thời gian quy định (dưới 15 ngày) 01 báo cáo tính 04 điểm; nếu báo cáo chậm thời gian quy định (từ 15 ngày trở lên) hoặc thiếu 01 báo cáo trừ 05 điểm (trừ tối đa không quá 20 điểm) (trường hợp, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có điều chỉnh phân công giúp đỡ xã, thì báo cáo kết quả giúp đỡ xã gồm: kết quả giúp đỡ xã trước khi điều chỉnh và kết quả giúp đỡ xã sau điều chỉnh kể từ thời điểm quyết định điều chỉnh, bổ sung có hiệu lực).

4. Hỗ trợ, ủng hộ, vận động, huy động giúp đỡ xã (tối đa **20 điểm**)

- Ủng hộ, vận động, huy động giúp đỡ xã quy thành tiền Việt Nam đồng từ 50 triệu đồng/năm trở lên tính 10 điểm; từ 20 triệu đến dưới 50 triệu đồng/năm tính 5 điểm; dưới 20 triệu đồng/năm không tính điểm (giúp đỡ xã bằng công lao động, tiền mặt, hiện vật...)

- Giúp xã có các mô hình, công trình, phần việc nổi bật như: mô hình phát triển sản xuất, du lịch cộng đồng, cải tạo vệ sinh môi trường, đường hoa nông thôn mới, đường điện nông thôn, mô hình về an ninh trật tự nông thôn... Lưu ý: Các mô hình, công trình, phần việc chỉ được áp dụng để đánh giá 01 lần; trường hợp tiếp tục sử dụng để đánh giá trong những năm tiếp theo cần phải được xem xét có sự đầu tư, cải tiến tạo sự khác biệt so với năm trước (tối đa 10 điểm).

**Điều 5.** Xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với lãnh đạo các sở, ban, ngành được phân công giúp đỡ xã như sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt từ 85 - 100 điểm, trong đó các tiêu mục đều phải có điểm.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 85 - 100 điểm, trong đó không có quá 01 tiêu mục không có điểm. Hoặc đạt từ 70 - dưới 85 điểm trong đó các tiêu mục đều phải có điểm.

- Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 70 - dưới 85 điểm trong đó không có quá 02 tiêu mục không có điểm. Hoặc đạt từ 50 - dưới 70 điểm, trong đó các tiêu mục đều phải có điểm.

- Không hoàn thành nhiệm vụ: Dưới 50 điểm. Hoặc có từ 01 khoản, tại Điều 4 quyết định này trở lên không có điểm.

### **Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 6.** Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm vụ của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị được phân công giúp đỡ xã:

- Cá nhân lãnh đạo các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân công giúp đỡ xã tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo mẫu (*Có Mẫu phiếu đánh giá kèm theo*) và gửi toàn bộ hồ sơ, tài liệu có xác nhận của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nơi có lãnh đạo được phân công giúp đỡ xã và của xã được phân công để làm căn cứ đánh giá theo quy định.

Hồ sơ đánh giá kết quả lãnh đạo giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững chịu trách nhiệm, gồm:

+ Phiếu đánh giá, xếp loại lãnh đạo giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững hàng năm.

+ Kế hoạch giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững hàng năm.

+ Báo cáo kết quả giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững quý I, 06 tháng, 09 tháng, báo cáo năm và báo cáo đột xuất (nếu có).

+ Các văn bản, tài liệu liên quan đến việc đôn đốc, hướng dẫn, tổ chức các hoạt động thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; Biên bản làm việc của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị được phân công giúp đỡ xã; xác nhận của UBND xã về việc hỗ trợ, ủng hộ nhân lực, vật lực,...

- Các công ty, doanh nghiệp được phân công phối hợp với lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh giúp đỡ xã không áp dụng đánh giá, phân xếp loại nhưng xây dựng báo cáo kết quả giúp đỡ xã định kỳ theo quy định (quý, 06 tháng, 09

tháng, báo cáo năm và báo cáo đột xuất) kèm theo xác nhận của UBND xã phân công giúp đỡ.

- Hồ sơ của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị được phân công giúp đỡ xã gửi Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh **trước ngày 05/12 hàng năm**. Hết thời gian quy định, nếu cá nhân không gửi hồ sơ về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh thì sẽ xem xét để xác định xếp loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ: Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra lãnh đạo các cơ quan, đơn vị được phân công giúp đỡ xã thực hiện hiệu quả quy định này.

3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, xã:

- Tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động của lãnh đạo cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được UBND tỉnh phân công giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Báo cáo kết quả hoạt động giúp đỡ xã của lãnh đạo cơ quan, đơn vị doanh nghiệp gắn với báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm.

- Phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ đánh giá, xếp loại lãnh đạo các cơ quan, đơn vị giúp đỡ xã.

**Điều 7. Thẩm quyền đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá:**

1. Thẩm quyền đánh giá: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ tổ chức đánh giá, phân xếp loại kết quả thực hiện giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định. Tổng hợp, báo cáo kết quả xếp loại gửi UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị (nơi có lãnh đạo được phân công giúp đỡ xã) **trước ngày 15/12 hàng năm**.

2. Sử dụng kết quả đánh giá: Kết quả đánh giá, xếp loại hàng năm của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững là cơ sở để bình xét thi đua, khen thưởng cán bộ trong lĩnh vực chuyên đề Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; đồng thời là một trong những nội dung đánh giá thực hiện nhiệm vụ của đảng viên, của cán bộ lãnh đạo cơ quan, đơn vị hàng năm.

**Điều 8. Bổ sung, sửa đổi Quy định**

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị được phân công giúp đỡ xã; UBND cấp huyện, xã; các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan phản ánh về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định./.

**PHỤ LỤC: Mẫu Phiếu đánh giá, phân loại kết quả lãnh đạo giúp đỡ xã  
xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững**  
(Kèm theo Quyết định số: 2693 /QĐ-UBND ngày 28 / 7 /2021 của UBND tỉnh Lào Cai)

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI LÃNH ĐẠO GIÚP ĐỠ XÃ  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

Họ và tên:.....  
 Chức vụ, nơi công tác:.....  
 Giúp đỡ xã:.....

TT	Chỉ tiêu và cách tính điểm	Điểm tối đa	Cá nhân tự chấm điểm	Đánh giá của CQ có thẩm quyền
<b>1</b>	<b>Thực hiện kế hoạch giúp đỡ xã hàng năm theo phân công</b>	<b>50</b>		
1.1	Có ban hành kế hoạch đảm bảo đầy đủ nội dung giúp đỡ xã thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững theo phân công của UBND tỉnh, gửi trước ngày 10/02 của năm kế hoạch được tính <b>10 điểm</b> ; Có kế hoạch nhưng ban hành chậm thời gian quy định (dưới 15 ngày) tính 05 điểm; nếu chậm thời gian quy định ban hành kế hoạch (từ 15 ngày trở lên) hoặc không ban hành kế hoạch không tính điểm	<b>10</b>		
1.2	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ giúp đỡ xã theo kế hoạch	<b>30</b>		
	- Đối với xã đã được công nhận hoàn thành “Xã đạt chuẩn nông thôn mới”: + Duy trì đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo tính 30 điểm; + Không duy trì đạt chuẩn nông thôn mới: không duy trì hoàn thành tiêu chí, trừ 05 điểm/01 tiêu chí giảm; không hoàn thành chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo theo kế hoạch, trừ 05 điểm (trừ tối đa không quá 30 điểm).	<b>30</b>		
	- Đối với xã đã được công nhận hoàn thành “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” phấn đấu hoàn thành xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu (có kế hoạch của tỉnh): + Hoàn thành kế hoạch tính 30 điểm; + Không hoàn thành kế hoạch, trừ 05 điểm/01 tiêu chí không hoàn thành (trừ tối đa không quá 30 điểm).			
	- Đối với xã phấn đấu hoàn thành “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” (có kế hoạch của tỉnh): + Hoàn thành kế hoạch tính 30 điểm;			

*Handwritten signature*

TT	Chỉ tiêu và cách tính điểm	Điểm tối đa	Cá nhân tự chấm điểm	Đánh giá của CQ có thẩm quyền
	<p>+ Không hoàn thành kế hoạch về xây dựng nông thôn mới và không hoàn thành chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo, trừ 05 điểm/01 tiêu chí không hoàn thành (trừ tối đa không quá 30 điểm).</p> <p>- Đối với các xã còn lại:</p> <p>+ Hoàn thành tiêu chí nông thôn mới và hoàn thành chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo theo đúng kế hoạch đăng ký từ đầu năm (hoặc có kế hoạch điều chỉnh chỉ tiêu trong năm) tính 30 điểm;</p> <p>+ Không hoàn thành tiêu chí nông thôn mới và không hoàn thành chỉ tiêu về giảm tỷ lệ hộ nghèo so với kế hoạch đăng ký trừ 05 điểm/01 tiêu chí; giảm tiêu chí hoàn thành so với năm trước liền kề năm kế hoạch trừ 05 điểm/01 tiêu chí (trừ tối đa không quá 30 điểm).</p>			
1.3	Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị hoặc Tổ giúp việc trực tiếp về xã làm việc với nội dung giúp xã (tối đa <b>10 điểm</b> ): Đảm bảo đủ từ 02 lần/Quý (08 lần/năm) trở lên tính 10 điểm; Thiếu 01 lần trừ 02 điểm (nội dung này trừ tối đa 10 điểm).	10		
<b>2</b>	<b>Tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc các xã trong việc tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững</b>	10		
	Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, tổ chức phát động các hoạt động phong trào đẩy mạnh việc thực hiện xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn (hoặc biên bản làm việc với xã có nội dung này) đảm bảo đầy đủ nội dung tính 10 điểm; Có văn bản nhưng còn sơ sài, chưa đầy đủ nội dung tính 05 điểm; không có văn bản không tính điểm.	10		
<b>3</b>	<b>Việc chấp hành thực hiện báo cáo kết quả tổ chức thực hiện giúp đỡ xã</b>	20		
	Có đầy đủ 04 loại báo cáo định kỳ (Quý I, 06 tháng, 09 tháng, báo cáo năm) và báo cáo đột xuất (khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu), đảm bảo nội dung và thời gian quy định tính 20 điểm; nếu báo cáo chậm thời gian quy định (dưới 15 ngày) 01 báo cáo tính 04 điểm; nếu báo cáo chậm thời gian quy định (Từ 15 ngày trở lên) hoặc thiếu 01 báo cáo trừ 05 điểm (trừ tối đa không quá 20 điểm)	20		
<b>4</b>	<b>Trực tiếp giúp đỡ xã được phân công qua nhiều hình thức</b>	20		
	Ủng hộ, vận động, huy động giúp đỡ xã quy thành tiền Việt Nam đồng Từ 50 triệu đồng/năm trở lên tính 10 điểm; Từ 20 triệu đến dưới 50 triệu đồng/năm tính 5 điểm; Dưới 20 triệu đồng/năm không tính điểm (giúp đỡ xã bằng công lao động,	10		



TT	Chỉ tiêu và cách tính điểm	Điểm tối đa	Cá nhân tự chấm điểm	Đánh giá của CQ có thẩm quyền
	tiền mặt, hiện vật...)			
	Giúp xã có các mô hình, công trình, phần việc nổi bật như: mô hình phát triển sản xuất, du lịch cộng đồng, cải tạo vệ sinh môi trường, đường hoa nông thôn mới, đường điện nông thôn mới, mô hình về an ninh trật tự nông thôn... Lưu ý: các mô hình, công trình, phần việc chỉ được áp dụng để đánh giá 01 lần; trường hợp tiếp tục sử dụng để đánh giá trong những năm tiếp theo cần phải được xem xét có sự đầu tư, cải tiến tạo sự khác biệt so với năm trước (tối đa 10 điểm).	10		
	<b>Tổng điểm (1+2+3+4)</b>	<b>100</b>		

**1. Cá nhân tự xếp loại kết quả năm 20....**

**Tự nhận: (HTXS NV, HTTNV...):**.....

**NGƯỜI ĐÁNH GIÁ**  
(ký tên, đóng dấu)

**2. Xếp loại của cơ quan có thẩm quyền đánh giá:**

.....  
.....  
.....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐÁNH GIÁ**  
(ký tên, đóng dấu)

